ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 59 /2025/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 26 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 76 Luật Nhà ở năm 2023 đang làm việc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc trong phạm vi khoảng cách quy định tại Điều 2 Quyết định này;

b) Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan đến phát triển, quản lý, sử dụng, sở hữu nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quy định cụ thể trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

1. Các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định này, có nhà ở thuộc sở hữu của mình, nhưng có khoảng cách ngắn nhất từ nơi có nhà ở thuộc sở hữu của mình đến địa điểm làm việc phải từ 20 km trở lên thì được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở bằng hình thức được mua, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Vị trí nhà ở xã hội được mua, thuê mua và địa điểm làm việc của đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định này phải nằm trong cùng đơn vị hành chính cấp xã hoặc xã liền kề có khoảng cách không quá 10 km.

Điều 3. Thủ tục xác nhận khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến địa điểm làm việc cho các trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

1. Trình tự và thời hạn thực hiện

a) Trường hợp có hợp đồng lao động các đối tượng gửi Đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội trực tiếp cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đang làm việc thực hiện xác nhận khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của các đối tượng đến địa điểm làm việc;

b) Trường hợp không có hợp đồng lao động, các đối tượng gửi Đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội trực tiếp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi đang làm việc. Thời hạn giải quyết trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội;

c) Người có thẩm quyền thực hiện xác nhận trực tiếp trên Đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội.

2. Đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2025.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB và QLXL VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo và Đài PT-TH TN;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Đoàn Trung Kiên

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI

(Dành cho đối tượng theo Quyết định số ..../2025/QĐ-UBND ngày ..../..../2025 của UBND tỉnh)

Hình thức đăng ký[1]: Mua □ Thuê mua □

1. Kính gửi[2]:.....
2. Họ và tên người viết đơn:.....
3. Căn cước công dân số.... cấp ngày...../...../..... tại.....
4. Nghề nghiệp[3].....
5. Nơi làm việc[4]:.....
6. Nơi ở hiện tại:.....
7. Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú) tại:.....
8. Thuộc đối tượng[5]:.....
9. Họ và tên của các thành viên trong hộ gia đình[6]..... Căn cước công dân số ..... cấp ngày...../...../..... tại .....
10. Thực trạng về nhà ở của tôi như sau:

- Có nhà ở thuộc sở hữu của mình, địa chỉ nhà: .....

……

- Khoảng cách ngắn nhất từ nơi có nhà ở thuộc sở hữu của mình đến địa điểm làm việc là …… km

11. Tôi có mức thu nhập hàng tháng là:

11.1. Đối với đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 76 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023[7] thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:

---

[1] Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu đăng ký.
[2] Ghi tên chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.
[3] Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu...
[4] Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này, trừ đối tượng là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác.
[5] Ghi rõ người có đơn thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội.
[6] Ghi rõ họ tên và mối quan hệ của từng thành viên với người đứng đơn.
[7] Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (khoản 5 Điều 76); công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 6 Điều 76); cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 8 Điều 76).

- Trường hợp là người độc thân: thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi tôi làm việc xác nhận[8]. □

- Trường hợp đã kết hôn theo quy định của pháp luật: tổng thu nhập hàng tháng thực nhận của tôi và vợ (chồng) tôi không quá 30 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi tôi và vợ (chồng) tôi làm việc xác nhận[9]. □

11.2. Đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở[10] thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:

- Trường hợp là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận. □

- Trường hợp đã kết hôn theo quy định của pháp luật:

+ Tôi và vợ (chồng) tôi đều thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 2,0 lần tổng thu nhập của sĩ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận. □

+ Vợ (chồng) tôi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 1,5 lần tổng thu nhập của sĩ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi tôi làm việc xác nhận. □

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết[11]..... nhà ở xã hội, tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội.

Xác nhận của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ……. là Ông/Bà..... có nhà ở thuộc sở hữu của mình, khoảng cách ngắn nhất từ nơi có nhà ở thuộc sở hữu của mình đến địa điểm làm việc là …… km[12] *(Ký tên, đóng dấu)*	*....., ngày..... tháng..... năm.....* **Người viết đơn** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

[8] Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu là người độc thân thì mức thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng. Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận điều kiện về thu nhập.

[9] Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì tổng mức thu nhập hàng tháng của người đứng đơn và vợ/chồng của người đứng đơn không quá 30 triệu đồng. Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận điều kiện về thu nhập.

[10] Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác (khoản 7 Điều 76).

[11] Ghi rõ hình thức được giải quyết chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (mua, thuê mua, thuê).

[12] Trường hợp có hợp đồng lao động thì ghi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang làm việc.
Trường hợp không có hợp đồng lao động thì ghi UBND xã, phường nơi người đăng ký thuê, mua, thuê mua nhà ở xã hội đang làm việc.